



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU
THÁI NGUYÊN – VIMICO

Số: 906/BC - TMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN – VIMICO

- Tên viết tắt: TMC

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 460010003.

Đăng ký lần đầu ngày 10/5/2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01/7/2014 (chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV sang loại hình công ty cổ phần).

- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng).

- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 180.000.000.000 đồng.

- Địa chỉ: Tổ 6, Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Số điện thoại: 0208. 3847229

- Số fax: 0208.3847097

- Website: kimloaimau.com.vn

- Mã cổ phiếu: TMG

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp Luyện kim màu Bắc Thái trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim được thành lập theo Quyết định số 349-CL ngày 25/9/1979 của Thủ Tướng Chính Phủ. Ngày 12/11/2004 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký Quyết định số 130 về việc chuyển Công ty thành Công ty TNHH NN MTV Kim loại màu Thái Nguyên.

Thực hiện Quyết định số 525/QĐ-VINACOMIN ngày 03/4/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty và Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 21/02/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/7/2014.





3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Khai thác quặng sắt; khai thác quặng không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đúc kim loại màu;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Xây dựng công trình kỹ thuật và dân dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;



- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;

3.2. Một số sản phẩm chính của Công ty sản xuất

- Tinh quặng kẽm hàm lượng ~ 50%;
- Tinh quặng chì hàm lượng ~ 50% Pb;
- Kẽm thỏi hàm lượng > 99,95% Zn;
- Axits Sunfuaric hàm lượng > 96%;
- Bột kẽm 60% Zn.

3.3. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại 02 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, trong đó hoạt động khai thác, chế biến tinh quặng tập trung tại huyện Chợ Đồn - tỉnh Bắc Kạn và huyện Đồng Hỷ - tỉnh Thái Nguyên. Hoạt động chế biến kim loại tập trung tại khu công nghiệp Sông Công - thành phố Sông Công - tỉnh Thái Nguyên. Công ty có quan hệ kinh doanh hợp tác với các khách hàng trên phạm vi cả nước.

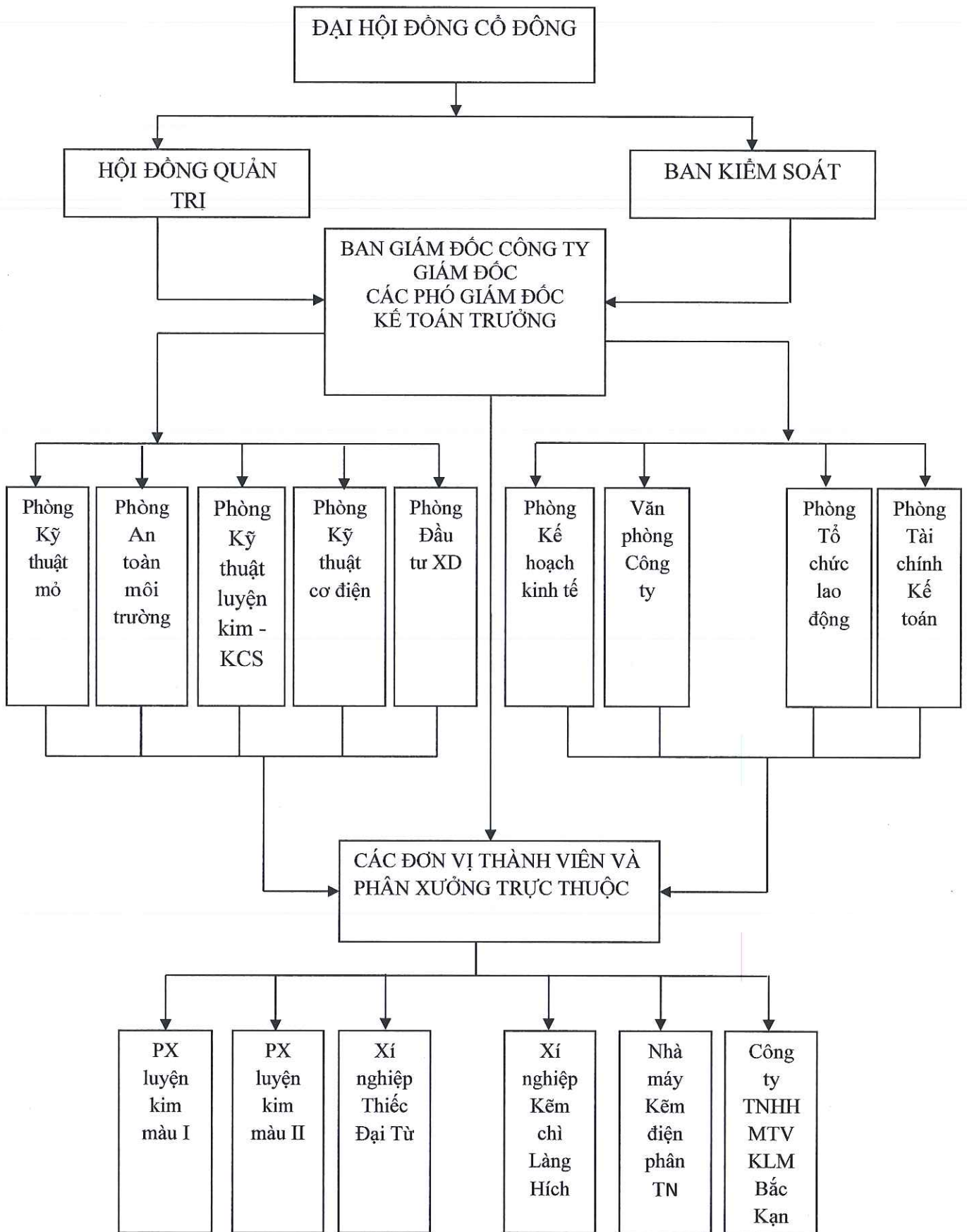
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.
- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Ban Giám đốc Công ty gồm: Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.
- Các phòng chức năng Công ty gồm 09 phòng: (sơ đồ trang tiếp theo)



SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ





4.2. Tổ chức kinh doanh

- TMC là Công ty cổ phần được tổ chức sản xuất theo mô hình hai cấp Công ty mẹ - công ty con. Trong đó Công ty mẹ gồm: Cơ quan Văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán trực tiếp, phụ thuộc: Phân xưởng Luyện kim màu 2, Xí nghiệp thiếc Đại từ, Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích và Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên. Công ty con là Công ty kim loại màu Bắc Kạn - TMC.

- Các khâu sản xuất của Công ty được thực hiện theo cơ chế khoán quản trị chi phí: Đối với các đơn vị trực thuộc thực hiện theo kế hoạch SXKD công ty giao, đối với công ty con thực hiện qua hợp đồng phối hợp sản xuất kinh doanh. Sản phẩm sản xuất ra được tiêu thụ tập trung tại công ty mẹ.

4.3. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Hội đồng quản trị gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT, trong đó 01 thành viên kiêm Giám đốc công ty. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm.

- Ban kiểm soát gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 04 kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của BKS là 5 năm.

- Giám đốc công ty: Là người đại diện theo pháp luật của công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của công ty, điều hành kế hoạch giao khoán, kế hoạch phối hợp và kinh doanh của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

- Phó Giám đốc: Hiện nay có 03 Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty:



+ Văn phòng Công ty: có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý văn phòng; quản trị hành chính; bảo vệ quân sự, công tác văn hóa xã hội, công tác cộng đồng, văn nghệ thể thao.

+ Phòng Tổ chức Lao động: có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý; công tác cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, y tế và công tác thanh tra pháp chế.

+ Phòng Tài chính Kế toán: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý hệ thống tài chính, kế toán, thống kê toàn Công ty.

+ Phòng Kế hoạch Kinh tế: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác xây dựng, quản lý kế hoạch sản xuất và giá thành sản phẩm toàn Công ty; công tác kinh doanh bán hàng, cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và vận tải hàng hóa.

+ Phòng Đầu tư Xây dựng: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng công trình, và quản lý đất đai toàn Công ty.

+ Phòng Kỹ thuật Mỏ: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý công nghệ khai thác mỏ, trắc địa mỏ, địa chất thăm dò, địa chất mỏ, công tác tuyển khoáng, quy hoạch khoáng sản.

+ Phòng Kỹ thuật Luyện kim - KCS: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc quản lý về công nghệ, kỹ thuật luyện kim, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

+ Phòng Kỹ thuật Cơ điện: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc thực hiện quản lý về công tác cơ điện của Công ty.

+ Phòng An toàn - Môi trường: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

4.4. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên doanh

a) Các đơn vị trực thuộc

- Phân xưởng Luyện kim màu 2: Phường Tân Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên: Khu công nghiệp Sông Công, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: Xã Tân Long, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Xí nghiệp thiếc Đại Từ: Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.



b) Công ty con: Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn - TMC là công ty con của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sở hữu 100% vốn góp.

c) Công ty liên doanh: Công ty liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sở hữu 40% vốn góp.

5. Định hướng phát triển của Công ty

5.1. Mục tiêu phát triển

Trở thành nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm kẽm thỏi với khối lượng lớn, chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, phấn đấu tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững. Tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Phát triển công nghệ khai thác chế biến khoáng sản tiên tiến đồng bộ, phù hợp với điều kiện sản xuất của công ty. Nâng cao năng lực sản xuất, năng xuất, chất lượng, giá trị gia tăng cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là sản phẩm Kẽm thỏi, Thiếc, tinh quặng chì.

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phấn đấu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm kẽm thỏi kim loại.

5.2. Chiến lược phát triển

Trên cơ sở định vị phương hướng, mục tiêu phát triển. Công ty xác định các biện pháp cụ thể:

a) Phát triển tài nguyên và nguồn nguyên liệu: Thăm dò bổ sung, nâng cấp trữ lượng, đánh giá hết tiềm năng khoáng sản ở các mỏ đang quản lý. Tiếp tục đầu tư cho công tác khảo sát, thăm dò khoáng sản chuẩn bị đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

- Điều phối, sử dụng hợp lý các nguồn lực về tài nguyên, thiết bị khai thác để tổ chức SXKD hoạt động khoáng sản đạt hiệu quả cao nhất.

b) Phát triển công nghệ (Khai thác - Tuyển khoáng - Luyện kim)

Tăng cường quản lý tài nguyên, khai thác triệt để các loại quặng nghèo và quản lý chặt chẽ ranh giới mỏ, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo trong khai thác, đảm bảo thực hiện theo quy định của Nhà nước. Thực hiện đảm bảo chỉ tiêu hệ số bóc và các thông số kỹ thuật khai trường bằng cách:



- Tiếp tục tăng cường áp dụng cơ giới hoá sản xuất trong khai thác hầm lò, nâng cao chất lượng quặng, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo quặng, khai thác triệt để tài nguyên quặng nghèo, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do khai thác quặng gây ra.

- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư nâng cấp hoàn thiện công nghệ và thiết bị tuyển khoáng để nâng cao tỷ lệ thực thu và chất lượng sản phẩm, nghiên cứu các giải pháp tiết kiệm chi phí.

- Đầu tư hoàn thiện và nâng cấp chất lượng phòng phân tích KCS của Công ty đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong phân tích hàm lượng phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

c) Nâng cao năng lực quản lý

- Công tác khoán quản trị chi phí: Tiếp tục thực hiện công tác giao khoán theo định mức tới từng tổ đội, phân xưởng, công đoạn sản xuất. Quy định rõ trách nhiệm của người lao động với từng thiết bị sản xuất, đồng thời gắn năng xuất lao động, chất lượng sản phẩm với thu nhập của người lao động. Có chế độ khen thưởng động viên khuyến khích kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích cao trong lao động sản xuất.

- Công tác tài chính kế toán: Thực hiện chế độ kế toán thống kê theo quy định của Nhà nước và chế độ kế toán áp dụng trong TKV. Xây dựng mô hình kế toán phân tán kết hợp tập trung tùy thuộc quy mô và đặc thù của từng đơn vị. Đối với Công ty mẹ, thực hiện hạch toán phụ thuộc tại các chi nhánh, tổng hợp kết quả SXKD toàn công ty. Vốn kinh doanh hạch toán tập trung tại văn phòng công ty, các chi nhánh được giao quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản và nhận nợ với văn phòng công ty.

Tập trung dòng tiền trên cơ sở tiêu thụ sản phẩm tập trung toàn công ty. Công ty Mẹ thu xếp tối đa nhu cầu vốn lưu động bằng việc thanh toán, ứng tiền hàng để đơn vị sản xuất và sau đó tiêu thụ sản phẩm qua công ty mẹ. Vốn trung dài hạn thu xếp tập trung tại công ty.

d) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Rà soát đổi mới cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động tại các đơn vị đặc biệt là tại một số đơn vị có số lao động lớn, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Thực hiện công tác tuyển dụng, tiếp nhận, sử dụng, bố trí lao động đúng ngành nghề đào tạo để phát huy sở trường và kinh nghiệm làm việc. Tạo những cơ hội tốt về thu nhập và khả năng phát triển. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động. Cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội. Có chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao đặc biệt là đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, đối tượng lao động có nguyện vọng gắn bó lâu dài với đơn vị.

6. Các rủi ro và quản trị rủi ro

- Rủi ro về kinh tế: Ngành khai thác khoáng sản cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp trong nền kinh tế. Vì vậy, sự phát triển của nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam tạo ra sức cầu quan trọng đối với ngành khoáng sản. Nhiều mặt hàng của Việt Nam chiếm tỉ trọng thấp so với thế giới nên giá bán các sản phẩm này phụ thuộc vào mặt bằng giá thế giới. Vì vậy nếu nền kinh tế toàn cầu suy thoái, sức cầu giảm sẽ dẫn đến giá bán nhiều loại khoáng sản giảm sút. Bên cạnh đó do sản phẩm của công ty được tham chiếu theo giá giao dịch thị trường quốc tế sử dụng niêm yết theo giá đồng đô la Mỹ (USD) nên biến động về tỷ giá mang lại bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Rủi ro pháp lý: Hệ thống pháp luật liên quan đến các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ tạo ra nhiều trở ngại và khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành. Những thay đổi về chính sách khai thác, sử dụng khoáng sản, cách tính thuế của Nhà nước cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty.

Hoạt động của các doanh nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào vấn đề bảo vệ tài nguyên - môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên... các khoản thu phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí cấp quyền khai thác. Bên cạnh đó, việc cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến và tiêu thụ khoáng sản hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Thời hạn khai thác các mỏ của TMC phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ.

- Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên: Ngành khoáng sản có đặc thù là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí chìm sẽ là rất lớn. Mặc dù các công ty khai khoáng đều thực hiện những nghiên cứu, khảo sát và đánh giá về điều kiện địa chất mỏ, tuy nhiên những nghiên cứu này không thể lường trước hết những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá không chính xác về địa chất và về trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của TMC.

- Rủi ro đặc thù khai thác, chế biến: Trong quá trình khai thác, ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải, phế thải độc hại và do hoạt động trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt, rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường... dẫn tới việc phải tăng các chi phí hoạt động của Công ty.



II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Các chỉ tiêu chủ yếu

- Doanh thu khoáng sản đạt 856,304 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch năm, bằng 106,7 % so với thực hiện năm 2017;
- Nộp ngân sách đạt 156,167 tỷ đồng, bằng 104,8% kế hoạch năm, bằng 119,9 % so với thực hiện năm 2017;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 186,482 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch năm, bằng 90,2 % so với thực hiện năm 2017;
- Tổng Quỹ tiền lương đạt 135,54 tỷ đồng bằng 100% KH năm. Tiền lương BQ thực lĩnh 8,95 tr.đ/ng/th;
- Lao động BQ trong kỳ 1.262 người;
- Giá trị Đầu tư xây dựng: 57,186 tỷ đồng, bằng 89,16% kế hoạch năm, bằng 371,3 % so với thực hiện năm 2017.

b) Sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

* Sản phẩm sản xuất

- Kẽm thô 99,95% đạt 11.200 tấn, bằng 100% KH năm, bằng 103,4% so với thực hiện năm 2017;
- Axits sunfuaric 96% đạt 16.140 tấn, bằng 100% KH năm, bằng 109,5% so với thực hiện năm 2017;
- Tinh quặng chì đạt 2.883 tấn, bằng 100% KH năm, bằng 80,5 % so với thực hiện năm 2017;
- Tinh quặng chì ôxit 20% đạt 2.220 tấn, bằng 100% KH năm, bằng 429,4% so với thực hiện năm 2017.

* Sản phẩm tiêu thụ

- Kẽm thô 99,95% đạt 10.881 tấn, bằng 100% KH năm, bằng 101,4 % so với thực hiện năm 2017;
- Axits sunfuaric 96% đạt 14.340 tấn, bằng 100% KH năm, bằng 117,6% so với thực hiện năm 2017;
- Tinh quặng chì sunfua 50% đạt 3.710 tấn, bằng 100% KH năm, bằng 125,6 % so với thực hiện năm 2017;
- Tinh quặng chì ôxit 20% đạt 2.220 tấn, bằng 100% KH năm, bằng 353,5% so với thực hiện năm 2017.

2. Tổ chức và nhân sự



2.1. Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Ông Bùi Tiến Hải – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.

- Năm sinh: 1976

- Trình độ: Thạc sỹ tuyển khoáng

- Quá trình công tác: Ông Bùi Tiến Hải đã đảm nhiệm các vị trí công tác: Là cán bộ kỹ thuật xí nghiệp chế biến Zircon-titan, cán bộ phòng kỹ thuật thuộc Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh (2001-2005); học tập và nghiên cứu tại UCRAINA, Phó TP tuyển khoáng TCT khoáng sản - Vinacomin (2009-2011), Phó Giám đốc Công ty khoáng sản luyện kim Cao Bằng; từ 1/6/2014 đến nay là Giám đốc Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn - TMC.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 2.700.000 cổ phần

2.1.2. Ông Nguyễn Văn Khanh – Phó Giám đốc Công ty

- Năm sinh: 1960

- Trình độ: Kỹ sư khai thác mỏ

- Quá trình công tác: Từ tháng 5/1987 đến tháng 4/1995 là nhân viên kỹ thuật, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng kỹ thuật, Chuyên viên trực tuyến thuộc Ban giám đốc mỏ Ăngtymoan Hà Tuyên. Từ tháng 5/1995 đến tháng 2/2006 là Phó Giám đốc xí nghiệp Ăng tymon Chiêm Hóa, Tuyên Quang. Từ tháng 3/2006 đến tháng 5/2014: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV KLM Thái Nguyên. Từ tháng 6/2014 đến nay là Phó Giám đốc Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

- Sở hữu: 2.800 cổ phần

2.1.3. Ông Bùi Huy Tuấn – Phó Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1975

- Trình độ đào tạo: Kỹ sư luyện kim

- Quá trình công tác: Từ tháng 12/2001 đến tháng 4/2006 là cán bộ kỹ thuật tại Phòng kỹ thuật luyện kim Công ty KLM Thái Nguyên. Tháng 5/2006 đến tháng 7/2008 là Trưởng phòng kỹ thuật tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên. Tháng 8/2008 đến tháng 11/2010 là Phó Trưởng phòng Kỹ thuật luyện kim của Công ty TNHH MTV kim loại màu Thái Nguyên. Tháng 12/2010 đến tháng 02/2013 là cán bộ kỹ thuật, Phó Trưởng phòng kỹ thuật luyện kim của Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin. Tháng 3/2013 đến tháng 11/2013 là Phó Giám đốc Công ty luyện đồng Lào Cai. Từ tháng 12/2013 đến tháng 6/2014 là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên. Từ tháng 7/2014 đến nay là Phó Giám đốc CTCP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần





2.1.3. Ông Trần Văn Long – Phó Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1977

- Trình độ đào tạo: Kỹ sư khai thác mỏ

- Quá trình công tác: Từ tháng 8/1999 đến tháng 5/2000 là cán bộ kỹ thuật phòng kỹ thuật, xí nghiệp than Bình Minh, công ty than Quảng Ninh; từ tháng 6/2000 đến tháng 3/2007 là chuyên viên phòng thiết kế mỏ Viện khoa học và công nghệ mỏ - Luyện kim; từ tháng 4/2007 đến tháng 11/2010 là chuyên viên, Phó trưởng phòng kỹ thuật mỏ địa chất, Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin; từ tháng 12/2010 đến tháng 10/2012 là ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3; từ tháng 11/2012 đến tháng 7/2014, ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Hà Nội; từ tháng 8/2014 đến tháng 10/2015 giữ chức vụ Phó Trưởng phòng kỹ thuật Mỏ địa chất, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, ủy viên HĐQT CTCP Kim loại màu Nghệ Tĩnh, ủy viên HĐQT CTCP Vàng và đá quý Hà Nội; từ tháng 11/2015 đến tháng 5/2016 giữ chức vụ Phó TP kỹ thuật Mỏ địa chất Tổng công ty Khoáng sản - TKV; Từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2017 giữ chức vụ Quyền Giám đốc CTCP Kim loại màu Tuyên Quang; từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018 giữ chức vụ Phó TP kỹ thuật Mỏ địa chất Tổng công ty Khoáng sản - TKV; từ tháng 6/2018 đến nay giữ chức vụ Phó Giám đốc CTCP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.1.5. Ông Lại Trí Cường

- Năm sinh: 1985

- Trình độ nghề nghiệp: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác: Nhân viên kế toán Công ty cơ khí đóng tàu TKV; Chuyên viên kế toán tổng hợp của Tổng công ty Khoáng sản- Vinacomin. Từ tháng 10/2015 đến nay là Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2018, Ban điều hành của Công ty có sự thay đổi như sau:

- Ông Trần Văn Long - Kỹ sư khai thác mỏ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/6/2018.

- Ông Nguyễn Văn Định - Cử nhân kinh tế, Phó Giám đốc Công ty nghỉ chế độ hưu trí kể từ ngày 01/9/2018.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số lao động: 1.239 người;

+ Lao động nam: 948 người ;



+ Lao động nữ:	219 người.
- Loại hợp đồng lao động	
+ HĐLĐ không xác định thời hạn:	1.110 người;
+ HĐLĐ từ 12 đến 36 tháng:	129 người;
- Trình độ lao động	
+ Trên đại học:	03 người;
+ Đại học:	277 người;
+ Cao đẳng:	19 người;
+ Trung học:	338 người;
+ Công nhân kỹ thuật:	602 người;

(Số liệu tính đến thời điểm ngày 31/12/2018)

2.4. Chính sách đối với người lao động

Tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước, Công ty đã ban hành hệ thống thang, bảng lương áp dụng tại Công ty, đồng thời đăng ký với cơ quan quản lý lao động tại địa phương và đã được chấp thuận là cơ sở để Công ty thực hiện áp dụng thống nhất trong toàn Công ty, và thực hiện chế độ BHXH với cơ quan bảo hiểm của địa phương.

Song song với đó, Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động: chính sách tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, tuyển dụng, bồi dưỡng độc hại, tiền ăn ca, tham quan nghỉ mát, quỹ phúc lợi... được duy trì đầy đủ đúng quy định giúp người lao động yên tâm công tác, gắn bó làm việc lâu dài với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Thực hiện kế hoạch ĐTXD năm 2018 toàn Công ty đạt 57,18 tỷ đồng/64,14 tỷ đồng, bằng 89,16% KH năm. Kết quả thực hiện kế hoạch ĐTXD năm 2018 đạt thấp, do 3 dự án chính chưa triển khai được: Mỏ Núi Pháo gặp khó trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng chậm, kéo dài; Mỏ Cúc Đường tài nguyên không ổn định, biến động, khó khăn trong việc quyết định đầu tư; Dự án cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt để triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, Công ty cũng triển khai các công trình đầu tư duy trì sản xuất trong đó chủ yếu tập trung đầu tư tại các đơn vị sản xuất nhằm tăng cường cơ giới hóa, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện môi trường làm việc của người lao động.



4. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số (*)	Năm 2018	Năm 2017
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	851 292 879 682	800 406 882 740
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	851 292 879 682	800 406 882 740
4. Giá vốn hàng bán	11	623 040 607 350	544 883 262 728
5. LN gộp về bán hàng và CCDV	20	228 252 272 332	255 523 620 012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4 612 671 687	1 417 863 798
7. Chi phí tài chính	22	1 330 699 051	2 138 681 372
- Trong đó chi phí lãi vay	23	358 189 841	1 835 339 578
8. Chi phí bán hàng	25	1 586 259 775	1 192 456 471
9. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	26	43 543 286 421	45 487 041 474
10. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	30	186 404 698 772	208 123 304 493
11. Thu nhập khác	31	398 080 857	566 652 809
12. Chi phí khác	32	320 394 390	1 902 061 536
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	77 686 467	(1 335 408 727)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50	186 482 385 239	206 787 895 766
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38 489 075 293	41 577 909 690
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(58 174 634)	
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	148 051 484 580	165 209 986 076
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu*	70	8 225	8500
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	8 225	8500



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Thời điểm 31/12/2017	Thời điểm 31/12/2018
1	Nợ phải trả/vốn CSH	Lần	0,93	0,84
2	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,73	1,35
3	Lợi nhuận/Vốn CSH	%	50,7	49,2
4	Lợi nhuận/Tổng TS	%	33,6	32,8

* Tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
I	Tổng tài sản	492.134	451.386
1	Tài sản ngắn hạn	193.954	193.966
-	Phải thu ngắn hạn khách hàng	687	1.467
-	Hàng tồn kho	75.086	92.142
2	Tài sản dài hạn	298.179	257.419
-	Chi phí trả trước dài hạn	45.824	56.809
II	Tổng nguồn vốn	492.134	451.386
1	Nợ phải trả	166.500	150.335
-	Nợ ngắn hạn	166.500	143.999
-	Nợ dài hạn		6.336
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	325.634	301.051
-	Vốn điều lệ	180.000	180.000
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	138.209	121.051
-	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản	7.424	7.424
III	EPS (đồng/cổ phần)	8.500	8.225

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty được chia thành 18.000.000 cổ phần. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tất cả các cổ phần đều là cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn của Công ty bao gồm:

+ Tổng công ty Khoáng sản - TKV : 9.180.000 cổ phần;

+ Công ty cổ phần Lương Gia : 3.148.900 cổ phần.



- + Công ty TNHH SX & TM Quốc tế Vũ Hoàng : 1.933.900 cổ phần;
- + Bà Hoàng Thị Soi : 1.098.200 cổ phần;
- + Ông Nguyễn Hoàng Cường : 1.965.600 cổ phần.

- Các cổ đông của Công ty đều là cổ đông trong nước.

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
- e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty là khai thác, chế biến khoáng sản để tạo ra các nguyên liệu cơ bản (kẽm, chì...) cho các ngành sản xuất khác, quy trình sản xuất là khai thác quặng từ lòng đất để chế biến thành kim loại nên không xác định được lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm cũng như tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

- Điện năng cho sản xuất chính: 62.179.122 Kwh
- Trong đó:
 - + Điện năng cho khai thác 1.629.658 Kwh
 - + Điện năng cho tuyển khoáng 5.500.393 Kwh
 - + Điện năng cho luyện kim 54.734.035 Kwh
- Điện năng cho Sinh hoạt: 315.037 Kwh
- Dầu diesel:
 - + Tại Nhà máy kẽm điện phân TN: 19.560 lít
 - + Tại Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: 45.753 lít
 - + Tại Công ty KLM Bắc Kạn 311.960 lít
 - + Tại PX Luyện kim màu II 18.678 lít

6.3. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

* Nước sinh hoạt

- Phân xưởng Luyện kim màu I: 230 m³/năm
- Phân xưởng Luyện kim màu II: 2.500 m³/năm
- Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên: 14.600 m³/năm



- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích:	6.000 m ³ /năm
- Công ty Kim loại màu Bắc Kạn:	10.500 m ³ /năm
b) Nước dùng cho sản xuất	
- Phân xưởng Luyện kim màu I:	không sử dụng
- Phân xưởng Luyện kim màu II:	5.000 m ³ /năm
- Nhà máy kẽm điện phân:	118.000 m ³ /năm
- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích:	170.000 m ³ /năm
- Công ty Kim loại màu Bắc Kạn:	470.000 m ³ /năm

c) Nguồn cung cấp:

- Nước sinh hoạt: Thực hiện các Hợp đồng cung cấp nước từ các nhà máy nước sạch trong tỉnh. Đối với các địa bàn xa chưa có các nhà máy thì lấy từ nguồn từ giếng khơi, giếng khoan.

- Nước phục vụ sản xuất: Nước tái sử dụng, nước giếng khoan, nước mặt;

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Phân xưởng Luyện kim màu II: tự xử lý, tái sử dụng 100%;
- NM kẽm điện phân Thái Nguyên: thuê xử lý 100%;
- Công ty Kim loại màu Bắc Kạn: tự xử lý 100%;
- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: tự xử lý 100%;

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Ngay từ đầu năm, Công ty đã xác định trọng tâm là công tác an toàn, môi trường và triển khai nhiều biện pháp cụ thể (tuyên truyền, kiểm tra, giám sát...). Năm 2018 toàn Công ty không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố loại I, II về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động (tính đến thời điểm 31/12/2018): 1.239 người
- Lao động sử dụng bình quân năm 2018: 1.262 người
- Mức lương trung bình: 8,95 triệu đồng/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ngoài việc thực hiện đầy đủ chính sách theo quy định của Nhà nước cho người lao động, công ty còn có quy chế thăm hỏi động viên đối với CBCNV. Hiện nay công ty đã ban hành hệ thống thang bảng lương mới theo quy định của



Bộ luật lao động, Luật BHXH để bảo đảm quyền lợi cho người lao động trong công ty.

Các chế độ bồi dưỡng cho người lao động được thực hiện đầy đủ như: chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại cho người lao động. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, duy trì hoạt động mạng lưới ATVSV, tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng. Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho CBCNV theo niên hạn.

Giải quyết kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, nghỉ phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức cho người lao động được đi tham quan, nghỉ mát, điều dưỡng phục hồi chức năng. Tặng quà cho người lao động trong những dịp lễ, tết, tặng quà cho con CBCNV đạt thành tích cao trong học tập nhân dịp ngày tết thiếu nhi, trung thu và tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2018, Công ty đã cử 362 lượt cán bộ nhân viên tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ do Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam và một số đơn vị khác tổ chức liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã tích cực tham gia các cuộc vận động, phong trào tương thân, tương ái, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, chất độc màu da cam. Trong năm 2018, Công ty đã ủng hộ tiền mặt số tiền 4,162 tỷ đồng tại các xã thuộc tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên nơi Công ty đặt trụ sở hoạt động để hỗ trợ kinh phí, nâng cấp xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, đường điện chiếu sáng, xây dựng nhà văn hóa cho địa phương; tết vì người nghèo; Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong cụm liên kết và địa bàn nơi các đơn vị của Công ty đặt trụ sở hoạt động.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(chi tiết tại mục 1 phần II của báo cáo này).

1.2. Những việc đã làm được

Trong năm Ban giám đốc đã triển khai toàn diện các nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành các quy định về quản lý các lĩnh vực cơ điện, đầu tư, quản lý vật tư...Đánh giá về các mặt chủ yếu trong năm 2018 như sau:

- Công tác chỉ đạo sản xuất: Công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất từ Công ty đến các đơn vị, phân xưởng đã có nhiều thay đổi tích cực. Các thành viên trong Ban Giám đốc, các phòng, các đơn vị đều có sự phối hợp, phân công nhiệm vụ rõ ràng. Về cơ bản năm 2018 công tác điều hành chỉ đạo sản xuất đã hoàn thành nhiệm vụ đề ra, mang lại hiệu quả kinh tế.



- Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

+ *Công tác Khai thác mỏ*: Năm 2018, mặc dù mỏ Làng Hích phải dừng sản xuất, nhưng công tác khai thác mỏ có nhiều cố gắng, sản xuất đạt kết quả cao, các chỉ tiêu công nghệ, tiêu hao định mức cơ bản hoàn thành kế hoạch đề ra. Đã làm tốt công tác dự báo tài nguyên, công tác chuẩn bị sản xuất (khu vực Khuổi Khem, Nậm Thi, Lũng Cháy ...); Đã huy động thêm được công trường Nậm Thi mở Chợ Điền, đưa mỏ Cúc Đường (khai thác lộ thiên quặng ô xít chì và khai thác hầm lò quặng sunfua kẽm chì) vào hoạt động sản xuất. Triển khai áp dụng một số thiết bị tăng năng suất, hiệu quả (như tời vận tải lớn hơn 5 tấn thay thế cho các tời nhỏ, máy nén khí 4.5 thay cho máy 2.8...). Đã cân đối công trường sản xuất phù hợp điều kiện của mỏ, tình hình của Công ty và thời tiết. Đối với mỏ Núi Pháo đã phối hợp với địa phương triển khai cắm mốc ranh giới để quản lý.

+ *Công tác Tuyển khoáng*: Năm 2018 là năm đột phá về sản lượng tinh quặng kẽm, trong điều kiện xưởng tuyển Làng Hích dừng hoạt động từ tháng 5/2018 do không có nguyên liệu. Sản lượng TQ kẽm toàn công ty đạt 15.932 tấn, bằng 104,06% KH năm, Tinh quặng chì đạt 2.883 tấn, bằng 81,66% KH năm.

+ *Công tác Luyện kim*: Đã có rất nhiều cố gắng, hoàn thành kế hoạch đề ra, thực thu kẽm và axit đều tăng so kế hoạch. Đã triển khai nhiều giải pháp nhằm ổn định sản xuất, tăng năng suất, tiết kiệm chi phí. Kết quả sản xuất Kẽm thỏi, bột kẽm oxit 60%, axit đều đạt mức kỷ lục từ trước đến nay là kẽm thỏi đạt 11.200 tấn, bằng 100% KH năm, bột kẽm oxit 60% đạt 4.254 tấn bằng 111,95% KH năm và Axit sunfuaric đạt 16.140 tấn, bằng 109,43% KH năm.

+ *Công tác Cơ điện*: Trong điều kiện máy móc thiết bị của Công ty lâu năm đã xuống cấp, năm 2018 công tác cơ điện có cố gắng, duy trì sản xuất ổn định tại các nhà máy, hoàn thành việc cải tạo xưởng tuyển, một số dây chuyền còn vượt năng suất so với thiết kế như: NM kẽm, PX màu II, Xưởng tuyển Chợ Điền,...; Công tác SCL đã nâng được chu kỳ sửa chữa lớn đã có nhiều tiến bộ về chất lượng, tiến độ tiết kiệm chi phí, đặc biệt tại NM kẽm. Việc sửa chữa bảo dưỡng định kỳ thiết bị, máy móc đã được quan tâm đáng kể. Công tác SCL đã quản lý được định ngạch và cấp đúng quy định, lập kế hoạch SCL có kiểm tra giám sát, lập sổ lý lịch theo dõi thiết bị... kiểm soát chất lượng vật tư SCL đáp ứng yêu cầu đề ra.

- Công tác phát triển tài nguyên

+ Công ty xin cấp phép mỏ Núi Pháo: Được cấp phép từ tháng 8/2017, tuy nhiên, tháng 3/2018 mỏ mới chính thức được nhận giấy phép để triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư và xác nhận chủ quyền ranh giới mỏ. Hiện đang thực hiện GPMB để đưa dự án đầu tư chính thức đi vào hoạt động.



+ Công tác cấp phép mở Chợ Điền, Làng Hích: hồ sơ cấp phép cơ bản đã hoàn thiện, hiện công ty đang chờ ý kiến thẩm định của tỉnh Thái Nguyên, bắc Kạn và cơ quan của Bộ.

+ Công tác khoan thăm dò được Công ty chú trọng, phát huy hiệu quả, là cơ sở để đánh giá độ tin cậy của các khối khai thác, ổn định tài nguyên, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Công tác Tài chính kế toán, kinh doanh vật tư: Chủ động trong công tác tài chính, bố trí đủ vốn cho các đơn vị. Mở rộng quan hệ với các tổ chức tín dụng, thu xếp vốn vay cho toàn Công ty với mức lãi suất thấp. Hoàn thiện các quy chế, nâng cao chất lượng công tác lập Báo cáo tài chính, làm tốt công tác cập nhật chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Đối với công tác quản lý vật tư đảm bảo tỷ lệ tồn kho (<6%) nhằm giảm chi phí tài chính, chi phí bảo quản... duy trì công tác mua sắm thông qua chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp của Nhà sản xuất, các đại lý cấp I. Công ty đã xây dựng quy trình mua bán vật tư áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.

- Công tác tổ chức lao động: Đã tập trung sắp xếp đổi mới cơ cấu lao động, tinh giảm bộ máy quản lý theo các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Công tác tiền lương thực hiện theo các văn bản quy định của Nhà nước. Năm 2018, ĐHĐCĐ bất thường đã thông qua đề án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2018-2020, phấn đấu giảm tỷ lệ lao động quản lý đến năm 2020 về tỷ lệ 12%, tinh gọn bộ máy quản lý và nâng cao mức thu nhập cho người lao động.

- Công tác quản trị: Tiếp tục được củng cố và đã phát huy được hiệu quả. Quyết liệt trong công tác tổ chức nghiệm thu, quyết toán hàng kỳ, năm 2018 giá thành sản xuất và tiêu thụ của Công ty sau khi loại trừ các chi phí khách quan tăng (do thuế, phí,..) đảm bảo đúng kế hoạch đề ra, bên cạnh đó quỹ tiền lương và tổng mức chi phí sửa chữa lớn trong giá thành được sử dụng có hiệu quả.

2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục rà soát, định biên và cơ cấu lại lao động trong toàn Công ty để bố trí lao động gián tiếp, phục vụ, phụ trợ và lao động công nghệ hợp lý nhất đảm bảo tăng năng suất lao động tăng hiệu quả SXKD

Kiên toàn đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý Công ty và các đơn vị để đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty. Cải cách tiền lương, nâng cao thu nhập cho người lao động, Bên cạnh đó quan tâm chăm lo đời sống sức khỏe, văn hóa tinh thần cho CBCNV trên cơ sở thực hiện tốt kế hoạch điều dưỡng, điều trị bệnh NN và thăm quan nghỉ mát.

3. Kế hoạch phát triển năm 2019

Năm 2019 công ty đặt mục tiêu với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng doanh thu: 928.620 triệu đồng;



- Nộp ngân sách: 173.662 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 158.292 triệu đồng;
- Sửa chữa lớn: 28.305 triệu đồng;
- Tổng Quỹ tiền lương: 143.555 triệu đồng;
- Lao động định mức: 1.335 người.
- Giá trị ĐTXDCB: 74.696 triệu đồng (không bao gồm dự án cải tạo nâng cao chất lượng NM Kẽm và giá trị chuyển tiếp từ năm 2018 chuyển sang)

*** Sản phẩm sản xuất và tiêu thụ chủ yếu**

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Sản xuất	Tiêu thụ	Ghi chú
1	Kẽm thỏi	tấn	11.200	11.600	
2	Axit sunfuric	tấn	16.000	13.704	
3	TQ chì sunfua 50%	tấn	3.654	3.654	
4	Tinh quặng chì oxit 20%	tấn	4.900	4.900	
5	Tinh quặng thiếc	tấn	220	200	
6	Tinh quặng đồng	tấn	252	232	
7	Tinh quặng kẽm	tấn	15.668	15.668	SX kẽm

Để hoàn thành được các chỉ tiêu trên, Ban Giám đốc công ty xác định một số giải pháp chủ yếu trong chỉ đạo điều hành:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì kỷ luật trong công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất từ Công ty đến các đơn vị. Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, xử lý nghiêm khắc lãnh đạo các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao, sản xuất kinh doanh không có hiệu quả, để xảy ra tai nạn lao động.

- Chỉ đạo các đơn vị bám sát kế hoạch SXKD năm 2019 để tổ chức sản xuất hàng tháng, quý một cách linh hoạt, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, đồng thời tập trung thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí đã đăng ký để giảm giá thành.

- Tập trung mọi nguồn lực, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước khẩn trương cấp phép khai thác mỏ Làng Hích; Điều chỉnh dự án NM kẽm, trình HĐQT, Đại hội ĐCĐ xem xét; Đẩy nhanh tiến độ đầu tư khai thác mỏ Núi Pháo; Điều hành sản xuất tại mỏ Cúc Đường có hiệu quả; Nâng cao chất lượng kẽm thỏi phân đầu đạt 99.99%.



2. Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

- *Công tác khai thác mỏ*: Tăng cường, chú trọng công tác quản lý và phát triển tài nguyên, khai thác triệt để, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo trong khai thác. Bám sát kế hoạch đề điều hành ngay từ đầu năm, nâng cao chất lượng công tác khoan nổ mìn, công tác xúc, bốc trong lò. Nâng cao hệ số sử dụng thiết bị, bố trí thiết bị hợp lý, thực hiện xúc đầy đủ sạch và quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu công nghệ, định mức KTKT. Tăng cường và củng cố đội ngũ cán bộ kỹ thuật đối với các mỏ Công ty quản lý.

- *Công tác tuyển khoáng*: Tiếp tục duy trì hoạt động ổn định các hệ thống công nghệ tuyển và quản lý giám sát các chỉ tiêu kỹ thuật như thực thu, chất lượng sản phẩm tinh quặng ... Quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, nguyên liệu đầu vào, đầu ra tránh lãng phí thất thoát tài nguyên.

- *Công tác luyện kim*: Tăng cường công tác quản lý, giám sát các chỉ tiêu công nghệ, nâng cao thực thu công nghệ, giảm tiêu hao, nghiên cứu các giải pháp công nghệ, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật... để tiết kiệm các chỉ tiêu nguyên, nhiên vật liệu hạ giá thành sản xuất.

- *Công tác cơ điện*: Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị. Làm tốt công tác chăm sóc bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn thiết bị.

3. Công tác An toàn – Môi trường

- *Công tác an toàn lao động*: Hoàn thiện các văn bản quy định, hướng dẫn về công tác ATLĐ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người lao động hiểu được sự nguy hiểm của mất ATLĐ trong sản xuất. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, phúc tra và xử lý nghiêm các trường hợp gây mất ATLĐ, gắn công tác ATLĐ với tiền lương sản xuất. Phần đầu năm 2019 không có tai nạn lao động nghiêm trọng.

- *Công tác môi trường*: Đào tạo, tuyên truyền để CBCNV nâng cao nhận thức về công tác môi trường, yêu cầu mỗi CBCNV trong công ty là một thành viên trong công tác bảo vệ môi trường. Phần đầu năm 2019 không có sự cố môi trường loại I, II.

4. Công tác đầu tư và phát triển tài nguyên

- Trên cơ sở kế hoạch đầu tư sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt, Công ty sẽ triển khai giao kế hoạch đến các đơn vị để thực hiện. Chỉ đạo các đơn vị lập kế hoạch chi tiết tiến độ thực hiện theo từng quý, cho từng dự án, công trình cụ thể, trên cơ sở đó hàng quý kiểm điểm tiến độ thực hiện.

- Làm tốt công tác quản lý tài nguyên, đẩy mạnh công tác khoan thăm dò xác định, cập nhật chính xác tài nguyên. Đánh giá lại tài nguyên các mỏ để có phương án điều hành cho các năm tiếp theo. Đẩy nhanh tiến độ xin cấp lại giấy phép khai thác mỏ Chợ Điền và mỏ Làng Hích.



5. Công tác quản lý kinh tế, quản trị chi phí

- Ổn định và cân đối dòng tiền, cấp đủ vốn phục vụ cho sản xuất, đầu tư của Công ty và các đơn vị; Thường xuyên rà soát chi phí quản lý, bán hàng điều hành một cách hợp lý; Tiếp tục làm việc với cơ quan quản lý nhà nước xin giảm thuế, phí.

- Đổi mới công tác quản trị, nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch giá thành, điều hành chi phí theo kế hoạch, hạn chế tối đa các phát sinh. Quản lý chặt chẽ với các vật tư chiếm tỷ trọng lớn như vật tư công nghệ, điện năng, xăng dầu, các loại nguyên liệu đầu vào khâu luyện, phấn đấu giảm so với định mức, đảm bảo tỷ lệ tồn kho vật tư < 6%. Nâng cao hiệu quả công tác nghiệm thu, đánh giá, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với thực tế sản xuất.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ, ưu tiên bán cho các khách hàng trả giá cao, sản xuất ổn định, tiềm lực tài chính vững vàng.

- Thực hiện công tác mua sắm thông qua hình thức chào giá cạnh tranh, lấy chất lượng sản phẩm là hàng đầu. Ưu tiên ký hợp đồng với khách hàng cung ứng lâu dài, giá ổn định.

6. Công tác lao động, tiền lương, chăm lo phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục thực hiện mô hình tổ chức và định biên lao động tiên tiến, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ lao động quản lý toàn Công ty về tỷ lệ 12%. Kiên quyết không để tình trạng người lao động làm việc kém hiệu quả, năng xuất lao động thấp.

- Tiếp tục xây dựng phương án chi trả tiền lương gắn với hiệu quả công việc, ưu tiên tiền lương cho các vị trí quan trọng quyết định năng suất, hiệu quả của đơn vị, như lao động hầm lò, lao động điện phân kẽm, lao động đốt lò, thợ bậc cao...

- Lập kế hoạch và triển khai chương trình đào tạo cho CBCNV về năng lực quản lý, kỹ thuật nghiệp vụ, ATMT. Chú trọng đào tạo cán bộ nguồn, cán bộ kế cận, sắp xếp đảm bảo tính kế thừa.

7. Một số công tác khác

- Đẩy mạnh công tác cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kỹ thuật, điều hành, quản trị nội bộ, trong hạch toán và lập báo cáo, dự toán sản xuất.

- Tiếp tục cập nhật, rà soát các quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với mô hình hoạt động và quy định của nhà nước, đẩy mạnh việc triển khai áp dụng;

- Tiếp tục triển khai, thực hiện nghiêm túc có hiệu quả công tác 5S và KPI tại Văn phòng Công ty và các đơn vị;

- Quan tâm đến công tác thanh tra, bảo vệ, đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, vật tư, ranh giới mỏ;



- Tích cực tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao, an sinh xã hội. Phát triển hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, tham gia đóng góp với địa phương nơi đơn vị đứng chân;

- Kiện toàn và làm tốt hơn nữa phong trào thi đua, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả SXKD và thu nhập cho người lao động.

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Nhìn chung năm 2018, HĐQT đánh giá Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch SXKD do Đại hội đồng cổ đông thường niên đặt ra. Công tác điều hành đã giải quyết công việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra, người đứng đầu đã thể hiện được tinh thần trách nhiệm cao; Đã làm tốt công tác quản lý kỹ thuật cơ bản, các chỉ tiêu sản xuất cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra; Công tác quản trị Công ty dần đi vào nề nếp, tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, sản xuất có hiệu quả; Công tác phát triển nguồn nhân lực đã được quan tâm, tập thể CBCNV toàn công ty đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, môi trường làm việc và đời sống CBCNV đã dần được cải thiện. Công ty sản xuất đảm bảo ATLĐ.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Các thành viên trong Ban Giám đốc công ty đều có trình độ, năng lực và phẩm chất được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành.

- Giám đốc Công ty đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể cho các Phó Giám đốc Công ty và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và triển khai kế hoạch công việc tuần kế tiếp.

- Ban Giám đốc điều hành đã triển khai hoạt động SXKD phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Doanh nghiệp, quy định của Pháp luật. Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động SXKD, đồng thời ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát mọi hoạt động SXKD của Công ty.

Công ty đã hoàn thành những chỉ tiêu chính đã đề ra, hoạt động có hiệu quả và lợi nhuận. Vốn của Chủ sở hữu tại Công ty đã được bảo toàn và phát triển, sản xuất có lợi nhuận. CBCNV của Công ty có đủ việc làm và nhu nhập của người lao động được cải thiện

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2019 được dự báo nền kinh tế thế giới vẫn còn nhiều bất ổn, giá kim loại màu lên xuống bất thường. Trong nước nền kinh tế đang trong giai đoạn phục hồi nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Hiện nay tình hình SXKD Công ty cũng gặp nhiều trở ngại do thị trường giá kim loại không ổn định, chi phí sản



xuất ngày càng tăng cao, điều kiện khai thác khó khăn, tài nguyên biến động, máy móc thiết bị đã bị xuống cấp, giá cả nguyên nhiên vật liệu tăng ... Trước những thách thức đó HĐQT sẽ cùng Ban điều hành và tập thể CBCNV sẽ phải nỗ lực phấn đấu nhiều hơn để hoàn thành kế hoạch được giao, với các định hướng như sau:

- Tập trung cho công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc của Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt kết quả cao nhất, đảm bảo an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc công ty khẩn trương hoàn thiện và nâng cao các mặt quản lý gồm thực hiện đề án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2018-2020 đã được ĐHCĐ năm 2018 thông qua, trên cơ sở tinh giảm bộ máy quản lý tại công ty và các đơn vị; Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; Công tác Đầu tư xây dựng; Công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; Công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất cơ giới hóa mỏ hầm lò, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và văn hóa doanh nghiệp.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng nhân sự chủ chốt cho các ngành nghề sản xuất chính của công ty (khai thác, luyện kim) và bổ sung CNKT để phục vụ cho dự án Tây Nam Núi Pháo đi vào hoạt động sản xuất. Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển lâu dài Công ty phù hợp với tình hình mới.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên cấp phép lại nâng công suất mỏ Làng Hích và mỏ Chợ Điền, sản xuất đảm bảo an toàn môi trường, đảm bảo tình hình an ninh trật tự. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn thiện dự án nâng cao chất lượng nhà máy kềm, Cúc Đường và làm tốt công tác bảo vệ ranh giới mỏ.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các ủy viên HĐQT thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Ông Đào Minh Sơn – Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1963

- Trình độ: Kỹ sư máy và thiết bị mỏ

- Quá trình công tác: Ông Đào Minh Sơn làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1987; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc XN Thiếc Bắc Lũng - Tuyên Quang, Đốc công, Phó Giám đốc, Giám đốc XN liên doanh đồng



Lào Cai, Phó Ban QLDA Tổ hợp đồng Sin Quyền, Phó Phòng/Trưởng phòng Cơ điện, Trưởng phòng TCCB&ĐT Tổng công ty Khoáng sản. Từ tháng 8/2015, ông Đào Minh Sơn được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin. Từ tháng 7/2014 đến nay giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 3.780.000 cổ phần.

1.2 Ông Bùi Tiến Hải – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty.

(Đã nêu ở phần 2.1 mục II)

1.3. Ông Trần Minh Tuấn - Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1973

- Trình độ: Thạc sỹ QTKD; Cử nhân kế toán-kiểm toán.

- Quá trình công tác: Ông Nguyễn Quốc Khánh đảm nhiệm qua các vị trí: Trợ lý kiểm toán viên, kiểm toán viên tại công ty kiểm toán VACO (từ 3/2001-6/2007); Chuyên viên văn phòng, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng đầu tư DV tài chính và NCPT; Trưởng phòng KHTH; Trưởng phòng QLRR kiêm thành viên HĐTV tại Công ty tài chính Than- Khoáng sản Việt Nam (từ 7/2007-4/2014); Phó Trưởng phòng TCKT, Trưởng phòng QLV, thanh tra - kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty Khoáng sản - TKV (từ tháng 5/2014 đến nay)

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 2.700.000 cổ phần

2.1.4. Ông Phạm Thế Vinh – Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1964

- Trình độ: Cơ khí

- Quá trình công tác: Ông Phạm Thế Vinh đã đảm nhiệm các chức vụ: Công nhân cơ khí nhà máy cơ khí 19/3 Hà Nội, Công nhân lao động tại Tiệp Khắc, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Lương Gia (từ năm 2012 đến nay); Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico (từ tháng 7/2014 đến nay).

- Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần Lương Gia: 3.148.900 cổ phần

2.1.5. Ông Vũ Đức Trung – Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1980

- Trình độ: Thạc sỹ tài chính CPA.

- Quá trình công tác: Ông Vũ Đức Trung đã đảm nhiệm các chức vụ công tác tại công ty kiểm toán Deloitte; Phó trưởng phòng tư vấn và bảo lãnh phát hành Công ty cổ phần chứng khoán Seabank; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Quốc tế; Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng



công ty cổ phần bảo hiểm Sài Gòn Hà Nội (từ 2012 đến nay); Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico (từ 7/2014 đến nay).

- Sở hữu: 0 cổ phần

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên HĐQT phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra những Quyết định, Nghị quyết theo từng lĩnh vực được phân công.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp

Năm 2018, HĐQT tổ chức 11 cuộc họp bằng hình thức thảo luận trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên đều tham gia và trao đổi thẳng thắn cùng nhau bàn bạc để đưa ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động SXKD của Công ty, đúng với quy định của Pháp luật. HĐQT còn triển khai, giám sát thực hiện tốt các Chỉ thị, Quy chế, Quy định của các sở, Ban, ngành và chỉ đạo khắc phục kịp thời các thiếu sót theo yêu cầu.

Chỉ đạo và triển khai có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: Công tác cán bộ, kế hoạch sản xuất, quản trị chi phí, kinh doanh, đầu tư xây dựng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Ngoài các phiên họp các thành viên hội đồng quản trị còn thường xuyên có các cuộc trao đổi với nhau, với Giám đốc công ty để triển khai các nghị quyết, quyết định đã ban hành.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: Không

e) Những thay đổi của Thành viên HĐQT

Trong năm ông Nguyễn Quốc Khánh - Nguyên thành viên HĐQT Công ty đã về nghỉ chế độ hưu trí theo quy định. Ngày 14/11/2018, HĐQT đã bổ nhiệm ông Trần Minh Tuấn là thành viên HĐQT thay thế đối với chỗ trống phát sinh, nội dung này đã được Công ty công bố thông tin theo quy định. Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, nội dung miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2014-2018 sẽ được biểu quyết tại Đại hội theo quy định.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát



TT	Thành viên BKS	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ	Ngày bắt đầu/ là TV BKS
1	Nguyễn Đình Chiến	1985	Trưởng Ban	Cử nhân kinh tế	01/7/2014
2	Nguyễn Thanh Long	1971	Thành viên	Cử nhân TCNH	01/7/2014
3	Trần Quốc Hậu	1962	Thành viên	Kỹ sư QTKD	11/5/2016
4	Ngô Thị Nhâm	1978	Thành viên	Cử nhân kinh tế	11/5/2016
5	Đào Thị Khuê	1966	Thành viên	Cử nhân kinh tế	11/5/2016

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm BKS đã tổ chức 05 cuộc họp triển khai nhiệm vụ quyền hạn của Ban.

- Giám sát kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018 đã đề ra.

- Kiểm tra giám sát việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành, các cán bộ quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và phát biểu các ý kiến đóng góp cho các cuộc họp tham dự.

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018 đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật. Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều có thành viên BKS tham gia đầy đủ. Trong quá trình tham gia kiểm tra, giám sát BKS đã đóng góp ý kiến cho Bộ máy điều hành của Công ty nhằm giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao các khoản lợi ích

Các thành viên HĐQT và BKS của công ty hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do vậy Công ty áp dụng chế độ thù lao công việc. Lương của Ban điều hành Công ty áp dụng theo đúng quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương và các chế độ khác theo chính sách chung của Công ty.

- Chế độ thù lao của HĐQT, BKS được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2018, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao như sau:



TT	Chức danh	Mức lương (Trđ/th)	Số lượng	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/th	Kế hoạch năm 2018	Tiền thù lao thực hiện năm 2018
1	Chủ tịch HĐQT	36,0	1	20%	7.200.000	86.400.000	86.400.000
2	Thành viên HĐQT	32,0	4	20%	6.400.000	307.200.000	307.200.000
3	Trưởng BKS	32,0	1	20%	6.400.000	76.800.000	76.800.000
4	Ủy viên BKS	29,0	4	20%	5.800.000	278.400.000	278.400.000
	Cộng		10			748.800.000	748.800.000

(Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Công ty cổ phần Lương Gia, cổ đông lớn của công ty, tổ chức cá nhân có liên quan tới ông Phạm Thế Vinh - Thành viên HĐQT Công ty đã bán 73.400 cổ phần cho Công ty cổ phần Giống Lâm Nghiệp Thanh Hóa.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm không có phát sinh các giao dịch giữa Công ty với các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA soát xét số 166/2019/BCTC/CPA Việt Nam ngày 12/3/2019 và được đăng tải đầy đủ chi tiết tại địa chỉ website: www.kimloaimau.com.vn.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HNX, VSD (đề: B/c);
- HĐQT, Ban kiểm soát (đề: B/c);
- Website công ty;
- Lưu VP, Thư ký Công ty.

GIÁM ĐỐC

Bùi Tiến Hải

